TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 313/2024/QĐST-HNGĐ	*Thuận An, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 456/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Tú B, sinh năm 1994; nơi thường trú: 01/170 Trần Hưng Đạo, tổ 1, khu phố 2, Phường 2, thị xã T, tỉnh Quảng Trị; nơi tạm trú: 18/13 khu phố Đ, phường P, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

Người yêu cầu: bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1996; nơi thường trú: Ấp P, xã Đ, huyện M, tỉnh Bình Định; nơi tạm trú: 18/13 khu phố Đ, phường P, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tú B và bà Nguyễn Thị Hồng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 06/5/2019. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nay ông Nguyễn Tú B và bà Nguyễn Thị Hồng D xác định

vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Khánh A, sinh ngày 31/10/2019. Ông Nguyễn Tú B cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 5.000.000 đồng/tháng/con đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Tú B và bà Nguyễn Thị Hồng D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Tú B và bà Nguyễn Thị Hồng D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận về con chung, thỏa thuận không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hồng D và ông Nguyễn Tú B

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Khánh A, sinh ngày 31/10/2019. Ông Nguyễn Tú B cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 5.000.000 đồng/tháng/con đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Hồng D và ông Nguyễn Tú B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002504 ngày 28/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- UBND Phường 2, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị (theo GCN 20, ngày 06/5/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Cao Huy Cường